TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HS-ST
Ngày: 17/11/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Tấn Thắng;
2. Bà Võ Thị Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nông Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 N 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kbang, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 10 N 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 N 2022, đối với các bị cáo:

1. Lương Văn N, sinh ngày 23/6/1993 tại Hà Quảng, Cao Bằng; nơi thường trú: Thôn X, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; con ông Lương Văn K và bà Nông Thị H.

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 27/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Kiều Tuấn Đ, sinh ngày 08/8/1993 tại Kbang, Gia Lai; nơi thường trú: Thôn Y, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; con ông Kiều Quốc L (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết).

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 30/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:** Công ty TNHH MTV LN L.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Khắc H - Chức vụ: Phó giám đốc (vắng mặt);

Địa chỉ: Xã L, huyện K, tỉnh Gia Lai.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Đinh Trung T, sinh N 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Hiện đang chấp hành án tại trại giam Gia Trung, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

2. Nguyễn Hữu S, sinh N 1996 (vắng mặt);

Địa chỉ: Hiện đang chấp hành án tại trại giam Gia Trung, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

3. Kiều Ngọc C, sinh N 1986 (có mặt);
Địa chỉ: Thôn 2, xã Sơ Pai, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 01/6/2020, Kiều Ngọc Tuấn, Kiều Tuấn Đ (em ruột của Tuấn) và Lương Văn N ăn sáng tại quán của gia đình Nguyễn Hữu S. Tại đây, Tuấn rủ N và Đ "Anh em mình vào rừng Đăk Smar cắt mấy cây Bằng lăng về bán kiếm tiền". Vì muốn có tiền tiêu xài nên khi nghe Tuấn rủ thì N và Đ đồng ý tham gia. Lúc này, thấy S đang phụ bán quán cho gia đình, Tuấn gọi S đến và rủ S cùng đi vào rừng khai thác gỗ Bằng lăng thì S đồng ý.

Sau khi ăn sáng xong, Tuấn điều khiển xe mô tô chở N mang theo cưa xăng của Tuấn đi theo đường làng Tà Kơr, xã Sơ Pai vào rừng xã Đăk Smar (lâm phần do Công ty TNHH MTV lâm nghiệp L quản lý). Đến nơi, Tuấn nói N canh đường (tức là cảnh giới lực lượng chức năng) ở đường mòn, còn Tuấn cầm cưa xăng đi xuống bãi cây Bằng lăng đã để ý trước đó, rồi tiến hành cắt hạ các cây gỗ. Hơn 01 giờ đồng hồ sau, nghe Tuấn gọi, N đi xuống thì thấy 10 cây gỗ Bằng lăng đã bị cắt hạ đổ xuống đất, các cây gỗ nằm cạnh gốc. Tuấn nói với N để nguyên các cây gỗ, ngày mai gọi thêm người vào rừng tiếp tục cưa xẻ, bổ hộp rồi cả hai đi về xã Sơ Pai.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, N, Đ đến nhà Tuấn uống rượu. Tuấn nói với Đ về việc vào buổi sáng cùng ngày Tuấn cùng N đã vào rừng cắt hạ 10 cây gỗ Bằng lăng và hẹn Đ sáng ngày mai đến nhà Tuấn tập trung đi vào rừng cưa xẻ, bổ hộp các cây gỗ Bằng lăng đã cắt hạ. Đ đồng ý rồi đi về.

Sau khi Đ về, Tuấn gọi Kiều Ngọc C (là anh ruột Tuấn) và Đinh Trung T đến nhà uống rượu cùng Tuấn và N. Trong lúc uống rượu, Tuấn nói với C và T "Sáng nay, em với N đã cắt hạ một số cây gỗ Bằng lăng tại khu vực rừng xã Đăk Smar". Tuấn rủ C, T cùng vào rừng xẻ hộp các cây gỗ trên bán kiếm tiền tiêu xài. Nghe vậy, C và T đồng ý tham gia, Tuấn hẹn họ sáng ngày mai đến nhà Tuấn để cùng đi.

Như đã hẹn, khoảng 07 giờ ngày 02/6/2020, N, Đ, S, C và T tập trung tại nhà Tuấn. Sau đó, Tuấn lái xe mô tô của Tuấn chở C và 01 cưa xăng của Tuấn đi trước dẫn đường. Đ lái xe mô tô của Đ chở N mang theo 01 cưa xăng và 01 con dao rựa của Đ; T lái xe mô tô độ chế của T chở theo 01 cưa xăng của N, còn S lái xe mô tô độ chế của S chở bao đựng xăng, nhớt, nước uống và vật dụng cần thiết do Tuấn chuẩn bị theo sau. Tất cả đi theo đường làng Tà Kơr, xã Sơ Pai vào lô 4, khoảnh 2, tiểu khu 122, lâm phần do Công ty TNHH MTV lâm nghiệp L quản lý thuộc địa giới hành chính xã Đăk Smar, huyện Kbang để khai thác trái phép các cây gỗ Bằng lăng đã cắt hạ trước đó. Đến nơi, Tuấn chỉ 10 cây gỗ Bằng lăng đã bị cắt hạ đổ xuống đất và nói cả nhóm cắt lóng thân, cành theo quy cách dài 2m đến 2,2m rồi cưa xẻ hộp còn đối với gốc, ngọn cây gỗ Bằng lăng thì tùy theo kích thước, đặc điểm tiến hành xẻ hộp tận dụng để thu được lợi gỗ nhất. Sau đó, Tuấn, Đ, T dùng cưa xăng cưa xẻ các cây gỗ còn N, C và S phụ bật mực, bắn lật, kê gỗ. Cả nhóm làm đến hơn 10 giờ cùng ngày thì Tuấn nói C về xã Sơ Pai lấy cơm mang vào cho mọi

người ăn. Ăn xong, tất cả tiếp tục cưa xẻ gỗ, đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì nghỉ đi về.

Khoảng 11 giờ ngày 03/6/2020, cả nhóm tiếp tục vào khu vực rừng trên để khai thác gỗ trái phép. Công việc của từng người vẫn thực hiện như cũ, Tuấn, Đ, T dùng cưa xăng cưa xẻ gỗ còn N, C và S phụ bật mực, bắn lật, kê gỗ. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Tuấn nhờ Thái Đình Dũng mang cơm vào rừng cho mọi người ăn. Ăn xong tất cả tiếp tục cưa xẻ gỗ, đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì Tuấn nghe điện thoại rồi nói là "bị động" (tức là có lực lượng chức năng đi kiểm tra). Nghe vậy, tất cả dọn đồ đạc đi về để lại toàn bộ số gỗ Bằng lăng khai thác trái phép tại hiện trường.

Trong thời gian 02 ngày (02 và 03/6/2020), Tuấn cùng đồng phạm cắt lóng, xẻ hộp 07 cây gỗ Bằng lăng gồm: 05 cây gỗ số 2, 3, 5, 6, 7 được 28 hộp gỗ xẻ khối lượng 5,381m^3 (theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 08/6/2020) và 02 cây gỗ Bằng lăng số: 6, 7 được 06 hộp gỗ, nhưng không thu giữ được gỗ (Theo biên bản kiểm tra hiện trường ngày 23/6/2020). Tổng cộng được 34 hộp gỗ và cắt lóng toàn bộ 03 cây gỗ Bằng lăng số 8, 9, 10 (theo biên bản kiểm tra hiện trường ngày 23/6/2020) được 15 lóng gỗ.

Ngày 08/6/2020, các cơ quan chức năng gồm: Hạt kiểm lâm, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, UBND xã Đăk Smar và Công ty TNHH MTV lâm nhiệp L tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định: Vụ khai thác xảy ra tại lô 4, khoảnh 2, tiểu khu 122, lâm phần do Công ty TNHH MTV lâm nghiệp L quản lý, thuộc xã Đak Smar, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thuộc loại **rừng phòng hộ**; trạng thái rừng thường xanh trung bình (TXB). Vị trí hiện trường khai thác cách UBND xã Đak Smar về hướng Đông Nam khoảng 3,5km theo đường chim bay. Phát hiện có **12** (mười hai) cây gỗ Bằng lăng (loài thông thường) bị khai thác trái phép, toàn bộ số cây bị chặt hạ trái phép bằng phương tiện cưa xăng; hầu hết cành, nhánh, lá cây vẫn còn màu xanh; một số cây lá đã khô rụng. Tổng khối lượng gỗ tròn thiệt hại của 12 (mười hai) cây gỗ, chủng loại Bằng lăng, khối lượng là: **31,221m^3.**

Ngày 23/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã phối hợp cùng Viện kiểm sát nhân dân huyện, Hạt kiểm lâm huyện, Công ty TNHH MTV lâm nghiệp L, đại diện chính quyền xã Đăk Smar tiến hành kiểm tra hiện trường theo sự chỉ dẫn của Đinh Trung T tại lô 4, khoảnh 2, tiểu khu 122, lâm phần do Công ty TNHH MTV lâm nghiệp L quản lý thuộc địa giới hành chính xã Đăk Smar, huyện Kbang. Kết quả kiểm tra hiện trường xác định: 10 cây gỗ Bằng Lăng do Kiều Ngọc Tuấn cùng đồng phạm khai thác trái phép có tổng khối lượng gỗ tròn bị thiệt hại là: **23,236m^3**. Trong đó, 05 cây gỗ Bằng lăng là các cây gỗ số 2, 3, 5, 6, 7 (theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 08/6/2020), khối lượng thiệt hại là **14,545m^3** và 05 cây gỗ Bằng lăng số 6, 7, 8, 9, 10 (theo biên bản kiểm tra hiện trường ngày 23/6/2020), khối lượng thiệt hại là **8,691m^3**.

Vào các ngày 19/6/2020, 10/7/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Kbang đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc trong Tố tụng hình sự huyện Kbang về giá trị thiệt hại của tổng khối lượng gỗ bị cắt hạ; giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên; giá trị của số gỗ thu được. Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản số: 21/KL-HĐĐG, 29/KL-HĐĐG ngày 20/6/2020 và ngày 20/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc trong Tố tụng hình sự huyện Kbang, xác định:

- Giá trị thiệt hại của **23,236m^3** gỗ tròn (chủng loại Bằng lăng) tại thời điểm tháng 6/2020 là: (133.635.400 đồng + 60.544.200 đồng) - 23,236m^3 x 2.400.000 đồng/m^3 =

138.413.200 đồng *(một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm mười ba nghìn, hai trăm đồng)*.

- Giá trị còn lại của 5,381m^3 gỗ xẻ (28 hộp chủng loại Bằng lăng) tại thời điểm tháng 6/2020 là: 57.375.680 đồng - (5,381m^3 x 1,6) x 2.400.000đồng/m^3 = **36.712.640 đồng** *(ba mươi sáu triệu, bảy trăm mười hai nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng)*.

- Giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên của 23,236m^3 gỗ tròn, thuộc loại rừng phòng hộ; là rừng tự nhiên tại thời điểm tháng 6/2020 là: 138.413.200 đồng x 4 = **553.652.800 đồng** *(N trăm N mươi ba triệu, sáu trăm N mươi hai nghìn, tám trăm đồng)*.

Ngày 11/3/2021, TAND huyện Kbang đã xét xử đối với: Đinh Trung T, Nguyễn Hữu S và Kiều Ngọc C. Tại bản án sơ thẩm số 08/2021/HSST đã tuyên phạt: Nguyễn Hữu S là 03 N tù, Đinh Trung T là 02 N 09 tháng tù và Kiều Ngọc C là 02 N tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu S, Đinh Trung T và Kiều Ngọc C phải liên đới bồi thường thiệt hại về lâm sản cho công ty TNHH MTV LN L tổng số tiền là 101.700.560 đồng *(Một trăm linh một triệu, bảy trăm nghìn, N trăm sáu mươi đồng)*, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Hữu S là 33.900.187 đồng; bị cáo Đinh Trung T là 33.900.187 đồng và bị cáo Kiều Ngọc C là 33.900.186 đồng, được trừ đi 5.000.000 đồng đã bồi thường nên còn phải bồi thường 28.900.186 đồng. Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu S, Đinh Trung T và Kiều Ngọc C phải liên đới bồi thường thiệt hại đối với rừng tự nhiên sung Ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 553.652.800 đồng *(N trăm N mươi ba triệu, sáu trăm N mươi hai nghìn, tám trăm đồng)*, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Hữu S là 184.550.933 đồng; bị cáo Đinh Trung T là 184.550.934 đồng và bị cáo Kiều Ngọc C là: 184.550.933 đồng.

Ngày 27/5/2022, Lương Văn N ra đầu thú; ngày 30/5/2022, Kiều Tuấn Đ ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã tạm giữ vật chứng gồm: 02 (hai) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL, vỏ màu cam trắng (không có gắn lam cưa và xích cưa), tình trạng đã qua sử dụng của Lương Văn N và Kiều Tuấn Đ; 01 (một) con dao rựa dài 75cm, mũi cong, lưỡi bằng kim loại dài 27cm, cán bằng gỗ dài 48cm của Kiều Tuấn Đ là công cụ phạm tội.

Vật chứng của vụ án chưa thu giữ được gồm: Xe mô tô độ chế loại Dream; lam, xích cưa xăng của Đ và lam, xích cưa xăng của N. Xe mô tô độ chế không có biển số, không có số khung, số máy do Đ mua lại của 01 người Ba na ở xã Sơ Pai từ N 2019 và đã bán cho người Ba na không rõ nhân thân, lai lịch. Còn lam, xích cưa xăng của Đ và N đã làm thất lạc nên không thu giữ được.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm Nguyễn Hữu S, Đinh Trung T và Kiều Ngọc C yêu cầu bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N phải chịu trách nhiệm chung trong việc bồi thường thiệt hại về lâm sản, thiệt hại đối với rừng tự nhiên và tiền án phí Dân sự sơ thẩm mà họ đã chịu tại bản án sơ thẩm số 08/2021/HSST ngày 11/3/2021 của Toà án nhân dân huyện Kbang theo quy định.

Tại Bản cáo trạng số: 28/CT-VKS ngày 05/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã truy tố Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N về tội: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự N 2015, sửa đổi bổ sung N 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N phạm tội: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*.

Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N; áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Kiều Tuấn Đ.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lương Văn N từ 02 N đến 02 N 06 tháng tù;

Đề nghị xử phạt bị cáo Kiều Tuấn Đ từ 02 N đến 02 N 06 tháng tù;

Xét điều kiện H cảnh của các bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N không có tài sản và thu nhập không ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 587 Bộ luật Dân sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Kiều Tuấn Đ, Lương Văn N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan buộc bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N phải chịu trách nhiệm chung trong việc bồi thường thiệt hại về lâm sản, bồi thường đối với rừng tự nhiên và tiền án phí dân sự cho Nguyễn Hữu S, Đinh Trung T và Kiều Ngọc C theo bản án số 08/2021/HSST ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kbang.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu bán sung vào Ngân sách Nhà nước 02 (hai) cưa xăng nhãn hiệu STIHL, màu cam trắng không có xích cưa và lam cưa, máy đã qua sử dụng và đã cũ.

Tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 (một) cái dao rựa dài 75cm, mũi cong, lưỡi bằng kim loại dài 27cm, cán làm bằng gỗ dài 48cm.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự N 2015, sửa đổi bổ sung N 2017 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã nêu, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo đã nhận ra lỗi và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Không có ý kiến gì cần tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kbang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ

luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kbang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó có đủ cơ sở để xác định rằng:

Ngày 02 và 03/6/2020, Kiều Ngọc Tuấn, Kiều Tuấn Đ, Lương Văn N, Đinh Trung T, Kiều Ngọc C và Nguyễn Hữu S đã đi vào rừng tại lô 4 khoảnh 2 tiểu khu 122 lâm phần do Công ty TNHH MTV LN L quản lý, thuộc địa giới hành chính xã Đăk Smar, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai để khai thác trái phép 10 cây gỗ Bằng Lăng với tổng khối lượng gỗ tròn là: 23,236 m^3. Gây thiệt hại về lâm sản là **138.413.200 đồng** và thiệt hại đối với rừng tự nhiên là **553.652.800 đồng.**

Như vậy, hành vi nêu trên của Kiều Tuấn Đ, Lương Văn N đã phạm vào tội: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo quy định tại điểm **d** khoản **2** Điều **232** Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án được xác định như sau:

Các bị cáo là đồng phạm với nhau trong vụ án nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra, các bị cáo tham gia với vai trò thực hành tích cực, cùng chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội mang vào rừng, bị cáo Đ trực tiếp dùng cưa xăng cưa xẻ các cây gỗ, bị cáo N phụ bật mực, bắn lật, kê gỗ.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã T khẩn khai báo và ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Đ, mặc dù điều kiện gia đình khó khăn, bố mẹ đều đã mất nhưng bị cáo cũng đã tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với bị cáo Đ. Sau khi phạm tội bị cáo Đ và N đã ra đầu thú nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với các bị cáo.

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

[5] Sau khi xem xét nhân thân của các bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N đều là người đã T niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật. Song xuất phát từ việc muốn có tiền tiêu sài cá nhân mà các bị cáo đã có hành vi phạm tội như đã nói ở trên. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên rừng, ảnh hưởng xấu đến

môi trường sinh thái, xâm phạm đến trật tự quản lý về kinh tế và quản lý hành chính của Nhà nước. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Đối với Kiều Ngọc Tuấn, sau khi gây án, đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã và tách vụ án để điều tra hành vi của Tuấn T vụ án khác, khi nào bắt được sẽ xử lý sau. Vì vậy, HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N cùng với Nguyễn Hữu S, Đinh Trung T và Kiều Ngọc C phải liên đới bồi thường thiệt hại về lâm sản cho bị hại số tiền là **101.700.560 đồng** và phải bồi thường thiệt hại đối với rừng tự nhiên cho Nhà nước tổng số tiền là **553.652.800 đồng**.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số: 08/2021/HSST ngày 11/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Kbang đã buộc các bị cáo Nguyễn Hữu S, Đinh Trung T và Kiều Ngọc C phải liên đới bồi thường thiệt hại về lâm sản cho công ty TNHH MTV LN L tổng số tiền là **101.700.560 đồng** *(Một trăm linh một triệu, bảy trăm nghìn, N trăm sáu mươi đồng)*, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Hữu S là 33.900.187 đồng, bị cáo Đinh Trung T là 33.900.187 đồng và bị cáo Kiều Ngọc C là 33.900.186 đồng, được trừ đi 5.000.000 đồng đã bồi thường nên còn phải bồi thường 28.900.186 đồng. Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu S, Đinh Trung T và Kiều Ngọc C phải liên đới bồi thường thiệt hại đối với rừng tự nhiên sung Ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 553.652.800 đồng *(N trăm N mươi ba triệu, sáu trăm N mươi hai nghìn, tám trăm đồng)*, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Hữu S là 184.550.933 đồng, bị cáo Đinh Trung T là 184.550.934 đồng và bị cáo Kiều Ngọc C là 184.550.933 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu S, Đinh Trung T và Kiều Ngọc C yêu cầu các bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N phải chịu trách nhiệm chung trong việc bồi thường thiệt hại về lâm sản, bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N đều đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên (Số tiền 101.700.560 đồng chia cho 5 người, mỗi người phải chịu 20.340.112 đồng). Do đó, buộc các bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N, mỗi bị cáo phải trả cho: Nguyễn Hữu S số tiền là 6.780.037 đồng; Đinh Trung T số tiền là 6.780.037 đồng; Kiều Ngọc C số tiền là 6.780.038 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu S, Đinh Trung T và Kiều Ngọc C yêu cầu bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N phải chịu trách nhiệm chung đối với tiền án phí dân sự theo bản án hình sự số 08/2021/HSST ngày 11/3/2021, bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N đều đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên (Số tiền 32.517.668 đồng chia cho 5 người: Nguyễn Hữu S, Đinh Trung T và Kiều Ngọc C, mỗi người phải chịu 6.503.534 đồng; Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N, mỗi người phải chịu 6.503.533 đồng). Do đó, buộc các bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N, mỗi bị cáo phải trả cho: Nguyễn Hữu S số tiền là 2.167.845 đồng; Đinh Trung T số tiền là 2.167.845 đồng và Kiều Ngọc C số tiền là 2.167.843 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu S, Đinh Trung T và Kiều Ngọc C yêu cầu bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N phải chịu trách nhiệm chung trong việc bồi thường thiệt hại đối với rừng

tự nhiên, bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N đều đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên (Số tiền 553.652.800 đồng chia cho 5 người, mỗi người phải chịu 110.730.560 đồng). Do đó, buộc các bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N, mỗi bị cáo phải trả cho: Nguyễn Hữu S số tiền là 36.910.187 đồng; Đinh Trung T số tiền là 36.910.187 đồng và Kiều Ngọc C số tiền là 36.910.186 đồng.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo Đ đã tự nguyện nộp bồi thường tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kbang, cần tuyên bảo lưu số tiền này để khấu trừ vào nghĩa vụ bồi thường của Đinh Trung T, Nguyễn Hữu S và Kiều Ngọc C theo Bản án số 08/2021/HSST ngày 11/3/2021 của Toà án nhân dân huyện Kbang.

Như vậy, số tiền các bị cáo phải trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

- Bị cáo Lương Văn N phải trả cho Nguyễn Hữu S là 45.858.069 đồng; Đinh Trung T là 45.858.069 đồng và Kiều Ngọc C là 45.858.067 đồng.

- Bị cáo Kiều Tuấn Đ phải trả cho Nguyễn Hữu S là 45.858.069 đồng; Đinh Trung T là 45.858.069 đồng và Kiều Ngọc C là 45.858.067 đồng. Được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kbang (Khấu trừ cho Nguyễn Hữu S là 667.000 đồng, Đinh Trung T là 667.000 đồng và Kiều Ngọc C là 666.000 đồng) nên bị cáo còn phải trả cho Nguyễn Hữu S là 45.191.069 đồng; Đinh Trung T là 45.191.069 đồng và Kiều Ngọc C là 45.192.067 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 (hai) cưa xăng nhãn hiệu STIHL, màu cam trắng không có xích cưa và lam cưa, máy đã qua sử dụng và đã cũ là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu bán sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) cái dao rựa dài 75cm, mũi cong, lưỡi bằng kim loại dài 27cm, cán làm bằng gỗ dài 48cm là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu tiêu huỷ.

[10] Đối với quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kbang là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, do vậy được chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N phạm tội: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*.

[2] Về điều luật áp dụng:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự N 2015, sửa đổi bổ sung N 2017 đối với bị cáo Lương Văn N.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự N 2015, sửa đổi bổ sung N 2017 đối với bị cáo Kiều Tuấn Đ.

[3] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lương Văn N 02 (hai) N 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày

bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam (ngày 27/5/2022).

Xử phạt bị cáo Kiều Tuấn Đ 02 (hai) N tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam (ngày 30/5/2022).

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 587 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Lương Văn N phải trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Hữu S số tiền là 45.858.069 đồng; Đinh Trung T số tiền là 45.858.069 đồng và Kiều Ngọc C số tiền là 45.858.067 đồng.

Buộc bị cáo Kiều Tuấn Đ phải trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Hữu S số tiền là 45.191.069 đồng; Đinh Trung T số tiền là 45.191.069 đồng và Kiều Ngọc C số tiền là 45.192.067 đồng.

*Bảo lưu số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo Kiều Tuấn Đ tự nguyện nộp bồi thường theo biên lai thu tiền số 0002791 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai để khấu trừ vào nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu S, Đinh Trung T và Kiều Ngọc C theo Bản án số 08/2021/HSST ngày 11/3/2021 của Toà án nhân dân huyện Kbang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự N 2015.

[6] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự N 2015, được sửa đổi bổ sung N 2017 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự N 2015.

Tuyên tịch thu bán sung vào Ngân sách Nhà nước 02 (hai) cưa xăng nhãn hiệu STIHL, màu cam trắng không có xích cưa và lam cưa, máy đã qua sử dụng và đã cũ.

Tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 (một) cái dao rựa dài 75cm, mũi cong, lưỡi bằng kim loại dài 27cm, cán làm bằng gỗ dài 48cm.

(Đặc điểm cụ thể vật chứng nói trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/10/2022 giữa Công an huyện Kbang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang).

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự N 2015, sửa đổi bổ sung N 2017 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Kiều Tuấn Đ và Lương Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Công an huyện Kbang;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Kbang; (khi án có HLPL);
- Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Phương